

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 03 (88) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

**Tạp chí Khoa học xã hội
miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Duy Thụy - Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trần Minh Đức - Phó Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

GS.TS. Nguyễn Hữu Minh

Hội Xã hội học Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Thanh Tâm

EM Normandie Business School – Cộng hòa Pháp

TS. Trần Thị Sáu

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

TS. Lê Xuân Thông

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phạm Thị Xuân Nga

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trịnh Thị Thu

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phan Thị Sông Thương

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Nguyễn Thị Thanh Xuyên

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lương Tình

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lại Thị Vân

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trương Thị Hạnh

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

BAN BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh

ThS. Châu Ngọc Hoà

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mục lục

1. Từ địa kinh tế đến địa chính trị: BRI và những ranh giới mong manh trong hợp tác toàn cầu ... 3
Nguyễn Hùng Vương, Đỗ Thị Xuân Hiền
2. Cạnh tranh địa chiến lược giữa EU và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông..... 13
Đặng Minh Đức
3. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực22
Lê Thị Phương Loan, Bạch Thái Hiền
4. Phòng, chống lãng phí trong lĩnh vực kinh tế góp phần đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới31
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
5. Đổi mới quản lý nguồn nhân lực khu vực công tại Việt Nam: Thực trạng và đề xuất giải pháp theo hướng quản trị hiện đại.....38
Chữ Đức Hoàng, Đàm Thị Hiền, Bùi Minh Chuyên
6. Phát triển bền vững du lịch vùng biên giới trong bối cảnh mới: Nghiên cứu trường hợp huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.....47
Hoàng Hồng Hiệp, Tống Thị Hải Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền
7. Thành phố Đà Nẵng đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hướng đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam57
Nguyễn Dũng Anh
8. Nghiên cứu tác động của việc thực thi trách nhiệm xã hội đến sự gắn kết công việc của nhân viên tại các cơ sở lưu trú cao cấp ở Khánh Hòa66
Lê Trần Phúc, Đoàn Nguyễn Khánh Trân, Huỳnh Cát Duyên
9. Mô hình tích hợp du lịch sinh thái và nông nghiệp hữu cơ tại Hội An: Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững.....77
Võ Hữu Hòa
10. Phân tích ý định hành vi chia sẻ tri thức – Trường hợp đội ngũ giảng viên thuộc Đại học Đà Nẵng 84
Phạm Quang Tín, Nguyễn Thị Thanh Nhân, Phanith Silavy
11. Nhận diện loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi.....93
Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến
12. Phát huy Bài Chòi trong không gian đô thị Nam Trung Bộ..... 101
Nguyễn Thị Thanh Xuyên
13. Vai trò của Phật giáo Đà Nẵng (xứ Quảng) trong đời sống xã hội giai đoạn thế kỉ XVII - XIX109
Lê Xuân Thông
14. Dấu tích thời đại đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông..... 119
Vũ Tiến Đức
15. Tái cấu trúc giá trị di sản nhà dài truyền thống của người Ê Đê phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Đắk Lắk..... 130
Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Vũ Minh
16. Câu quan hệ so sánh trong sử thi Đăm Săn và sử thi Xing Nhã..... 137
Phạm Thị Xuân Nga
17. Khai thác văn hóa Chăm để phát triển du lịch: Trường hợp các homestay ở Ninh Phước - Ninh Thuận .. 144
Châu Nữ Hoàng Yến, Đồng Thành Danh

Contents

1. From geoeconomics to geopolitics: the BRI and the fragile boundaries of global cooperation	3
Nguyen Hung Vuong, Do Thi Xuan Hien	
2. Geostrategic competition between the EU and China in the Greater Mekong subregion.....	13
Dang Minh Duc	
3. U.S. - China Strategic Competition in Southeast Asia during 2017 – 2024 from a Realist Perspective.....	22
Le Thi Phuong Loan, Bach Thai Hien	
4. Preventing economic waste to boost Vietnam's strong advancement into a new era.....	31
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy	
5. Innovating public sector human resource management in Vietnam: Current situation and policy recommendations towards modern governance	38
Chu Duc Hoang, Dam Thi Hien, Bui Minh Chuyen	
6. Sustainable tourism development in Quảng Trị's border region in the new context: A case study of the former Hướng Hóa district.....	47
Hoang Hong Hiep, Tong Thi Hai Hanh, Nguyen Thi Thanh Huyen	
7. Đà Nẵng city's promotion of the development of science, technology, innovation, and digital transformation towards the Era of Nation's Rise.....	57
Nguyen Dung Anh	
8. Examining the Impact of implementing Corporate Social Responsibility on Employee Work Engagement in Luxury Accommodations in Khánh Hòa.....	66
Le Tran Phuc, Doan Nguyen Khanh Tran, Huynh Cat Duyen	
9. The integrated model of ecotourism and organic agriculture in Hoi An: Potentials and sustainable development solutions.....	77
Vo Huu Hoa	
10. An analysis of the knowledge sharing behavioral intentions: A case study of lecturers at the University of Danang.....	84
Pham Quang Tin, Nguyen Thi Thanh Nhan, Phanith Silavy	
11. Identifying Types and Levels of Social Conflict in the Economic Sector: Evidence from the Coastal Areas of Quang Ngai Province	93
Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen	
12. Promoting Bài Chòi in the urban contexts of the South Central Coast Region.....	101
Nguyen Thi Thanh Xuyen	
13. The Role of Buddhism in Da Nang (the Quang Region) in Social Life in the 17th–19th centuries.....	109
Le Xuan Thong	
14. Paleolithic Vestiges in the Krông Nô River Basin, Đắk Nông Province	119
Vu Tien Duc	
15. Restructuring the Heritage Value of the Ê Đê's Traditional Longhouses for Tourism Development in Đắk Lắk Province	130
Nguyen Van Manh, Nguyen Vu Minh	
16. Comparative relative sentences in the epics of Đăm Săn and Xing Nhã.....	137
Pham Thi Xuan Nga	
17. Exploiting Chăm culture for tourism development: The case of homestays in Ninh Phước - Ninh Thuận.....	144
Chau Nu Hoang Yen, Dong Thanh Danh	

Dấu tích thời đại đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông

Vũ Tiến Đức

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: tienduc1988@gmail.com

Tóm tắt: Từ sau những phát hiện về di tích, di vật thời đại Đá cũ tại An Khê được công bố năm 2014; hàng loạt dấu tích thời đại Đá cũ được phát hiện tại tỉnh Gia Lai và một phần tỉnh Đắk Lắk. Các dấu tích đều phân bố tại lưu vực sông Ba cổ. Điều này cho thấy tiềm năng phát hiện các dấu tích thời đại Đá cũ tại các địa phương khác trên vùng Tây Nguyên nhưng cũng đặt ra những nghi vấn về sự tồn tại của cơ tầng Đá cũ ngoài lưu vực sông Ba trên vùng đất Tây Nguyên. Trong những năm 2022 - 2024, từ những phát hiện của các nhà địa chất, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên đã chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học điều tra, khảo sát, phúc tra và khai quật khảo cổ học, qua đó đã phát hiện tổng cộng 10 địa điểm thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, trong đó tiến hành khai quật 1 địa điểm Thôn 7 (KrN1). Kết quả khảo sát và khai quật khảo cổ đã chứng minh sự tồn tại của thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô trong khung niên đại tương đối khoảng 70.000 – 11.000 năm BP. Bài viết trình bày cụ thể kết quả khảo sát, đặc trưng và niên đại của thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Từ khóa: Thời đại Đá cũ, lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, khảo cổ học.

Paleolithic Vestiges in the Krông Nô River Basin, Đắk Nông Province

Abstract: Since the announcement of Paleolithic relics and artifacts in An Khê in 2014, a series of Paleolithic traces have been uncovered in Gia Lai Province and parts of Đắk Lắk Province. These traces are all located within the ancient Ba River basin. This suggests the potential for discovering Paleolithic vestiges in other localities across the Central Highlands, while also raising questions about the existence of Paleolithic substrata beyond the Ba River basin in this region. Between 2022 and 2024, based on findings by geologists, the Institute of Social Sciences in the Central Highlands took the lead in carrying out scientific projects involving investigations, surveys, verifications, and archaeological excavations. As a result, 10 Paleolithic sites were discovered in the Krông Nô River basin, Đắk Nông Province, including one site excavated at Hamlet 7 (KrN1). The surveys and excavations confirmed the existence of the Paleolithic Age in the Krông Nô River basin, within a relative chronological framework of approximately 70,000 to 11,000 years BP. This article details the survey results, characteristics, and dating of the Paleolithic period in the Krông Nô River basin, Đắk Nông Province.

Keywords: Paleolithic Age, Krông Nô River basin, Đắk Nông Province, archaeology.

Ngày nhận bài: 18/5/2025; **Ngày phản biện:** 26/5/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/8/2025

1. Đặt vấn đề

Năm 2022, Tiến sĩ La Thế Phúc và nhà nghiên cứu Lương Thị Tuất đã phát hiện 4 địa điểm khảo cổ thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, thuộc huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Nhóm nghiên cứu đặt tên các địa điểm phát hiện theo thứ tự Krông Nô 1 (ký hiệu KrN 1), Krông Nô 2 (ký hiệu KrN 2), Krông Nô 3 (ký hiệu KrN 3) và Krông Nô 4 (ký hiệu KrN 2). Di tích Thôn 7 chính là di tích Krông Nô 1 theo cách đặt tên của những người đầu tiên phát hiện di tích. (La Thế Phúc và cộng sự, 2022: 14). Năm 2023 – 2024, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên tổ chức phúc tra các địa điểm phát hiện năm 2022, đồng thời phát hiện tại lưu vực sông Krông Nô, trên địa bàn huyện Krông Nô và huyện Cư Jút tổng cộng 6 địa điểm tương đồng: Krông Nô 5 (KrN 5), Krông Nô 6 (KrN 6) và Krông Nô 7 (KrN 7), Cư Jút 1 (ký hiệu CJ 1), Cư Jút 2 (ký hiệu CJ 2) và Cư Jút 3 (ký hiệu CJ 3). Tại các địa điểm đều phát hiện các hiện vật ghè đẽo thô, công cụ mảnh, mảnh tước, hạch đá,... chất liệu đá quartz trong tầng cuội sỏi đa khoáng. Tháng 3/2024, nhằm thu thập tài liệu nghiên cứu về đặc điểm nhóm di tích tại lưu vực sông Krông Nô, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông tiến hành khai quật tại địa điểm

Thôn 7 (địa điểm KrN 1), xã Đăk D' rô, huyện Krông Nô với diện tích 26m². Trong 02 hố khai quật, đã thu thập được tổ hợp 116 hiện vật thuộc 2 hai tổ hợp:

+ Tổ hợp hiện vật cuội ghè đeo chất liệu đá quartz với loại hình, kỹ thuật thô sơ của thời đại Đá cũ như công cụ mũi nhọn, công cụ ghè thô, Uniface,... nhưng đã bắt đầu nảy sinh yếu tố loại hình và kỹ thuật Đá mới sớm. Tổ hợp công cụ nằm trong tầng cuội sạn sỏi dày 0,7 – 0,8m, không dấu vết xáo trộn.

+ Tổ hợp 2: Trong các lớp mặt của di tích Thôn 7 tìm thấy 1 lưới riu mài và 5 hiện vật đá nguyên liệu mang đặc trưng hiện vật thời đại Đá mới phổ biến tại các tỉnh Tây Nguyên.

Với những đặc điểm về di tích và hiện vật phát hiện từ năm 2022, củng cố qua đợt phúc tra năm 2023 – 2024 và đặc biệt kết quả khai quật năm 2024, bước đầu xác định Thôn 7 là nơi cư trú và nơi chế tác công cụ đá của cư dân thời tiền sử với các thời kỳ khác nhau: sớm nhất là thời đại Đá cũ và sau đó là thời đại Đá mới (Vũ Tiến Đức, 2024).

Kết quả khai quật Thôn 7 cho thấy sự tương đồng giữa tư liệu khai quật với các tư liệu thu thập trong quá trình điều tra, khảo sát tại các địa điểm KrN 2 đến KrN 7 và các địa điểm CJ 1, CJ 2, CJ 3, qua đó mở ra những nhận thức mới về dấu tích thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô tỉnh Đắk Nông.

2. Địa bàn phân bố và đặc điểm di tích

* Không gian phân bố các địa điểm khảo cổ phát hiện năm 2022 – 2024 tập trung tại lưu vực sông Krông Nô thuộc huyện Krông Nô và huyện Cư Jút, cụ thể:

+ Huyện Krông Nô có 07 điểm di tích Đá cũ (ký hiệu từ KrN 1 đến KrN 7). Trong đó, 6 điểm nằm trên thềm sông cổ bậc 2, cao 420 – 450 m so với mực nước biển, độ cao tương đối 20 - 30 m, (KrN 1, KrN 2, KrN 3, KrN 5, KrN 6 và KrN 7); 1 điểm nằm trên thềm sông cổ bậc 3, cao 455 m so với mực nước biển, độ cao tương đối 40 - 50m, (địa điểm KrN 4) (Hình 1) (La Thế Phúc và cộng sự, 2022: 14-23).

+ Huyện Cư Jút có 3 điểm di tích Đá cũ, nằm trên thềm sông suối cổ bậc 2, cao khoảng 400 m so với mực nước biển, độ cao tương đối 10 - 15 m, thuộc xã Cư K'Nia (Hình 2).



Hình 1: Phân bố các di tích thời đại Đá cũ tại huyện Krông Nô trên nền ảnh vệ tinh từ phần mềm Google Earth pro năm 2025



Hình 2: Phân bố các di tích thời đại Đá cũ tại huyện Cư Jút trên nền ảnh vệ tinh từ phần mềm Google Earth pro năm 2025

Không gian phân bố các địa điểm thời đại Đá cũ tỉnh Đắk Nông được phát hiện đến nay đều phân bố tập tại lưu vực sông Krông Nô, tập trung tại thành khoảnh tại huyện Krông Nô và huyện Cư Jút, Các địa điểm khảo cổ thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô đều phân bố trên các thềm sông cổ với những đặc điểm như sau:

+ Thềm sông cổ chứa di tích thời Đá cũ đều thuộc loại hình thềm tích tụ. Các bãi cuội của thềm đều được hình thành tựa vào các vách đá gốc và phủ trực tiếp lên đá gốc. Đá gốc ở đây là các đá trầm tích lục nguyên (cát - bột - sét kết) của hệ tầng La Ngà (J_2/n , tuổi Jura giữa: 174-163 triệu năm BP).

+ Thành phần trầm tích tầng văn hóa là cuội sạn ít khoáng, rất ít khi đa khoáng; có độ mài tròn trung bình đến khá tốt, độ chọn lọc rất kém. Cuội chủ yếu là đá quartz, được vỡ ra từ các đá mạch quartz có cấu tạo không đồng nhất và bị nứt nẻ nhiều; thứ yếu là các đá silic, cát kết dạng quartzite, đá á sừng và cát - bột kết, gỗ hoá thạch.

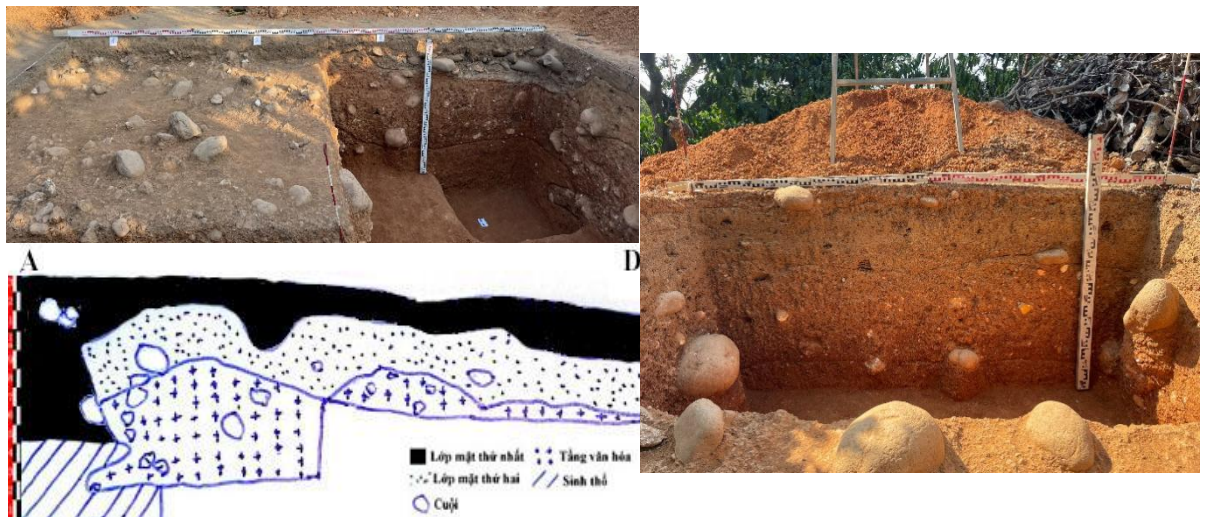
** Cấu tạo địa tầng*

Hiện vật khảo cổ phát hiện trong các tầng cuội sạn sỏi với thành phần chính là cuội sông đá quartz. Địa tầng hố khai quật Thôn 7 có sự ổn định và tính nguyên vẹn, tương đồng với các KrN và CJ nên có tính đại diện cho địa tầng các địa điểm khảo cổ lưu vực sông Krông Nô (hình 3), cụ thể:

+ Lớp mặt, dày 0 - 0,4 m, là lớp đất trồng màu xám, xuống dưới xám phớt vàng. Trong lớp mặt, còn có dấu tích các hoạt động của con người.

+ Tầng văn hóa, dày >5m, là lớp sạn sỏi laterit màu nâu vàng – nâu đỏ chứa cuội, đá tảng. Cuội có kích thước phổ biến >5 cm, một số có kích thước tăng (20 – 35 cm). Thành phần tầng, cuội sạn sỏi ít khoáng, chủ yếu là quartz, ít cát bột sét kết. Trong tầng văn hóa tìm thấy hiện vật khảo cổ học chất liệu chủ yếu đá quartz, mật độ phân bố hiện vật cũng có xu hướng tập trung tương đối tại các cụm đá cuội. Điều này phản ánh có sự tác động của cư dân tiền sử.

+ Sinh thổ thành phần trầm tích là sạn sỏi lẫn bột sét phong hóa từ đá gốc màu nâu vàng – xám vàng, bờ rời, không còn cuội sạn sỏi.



Hình 3: Địa tầng hố khai quật di tích Thôn 7 năm 2024

(Nguồn: Vũ Tiến Đức)

Địa tầng hai hố khai quật Thôn 7 cho thấy quá trình thành tạo trầm tích tầng văn hóa có nguồn gốc eluvi (tàn tích) và deluvi (sườn tích).

** Dấu tích trong tầng văn hóa*

Trong các hố khai quật di tích Thôn 7 không tìm thấy than tro, bếp, mộ táng như trong các di tích hang động núi lửa ở Krông Nô. Trong tầng văn hóa, xuất hiện cụm các mảnh tước tập trung thành nhóm. Có thể đây đây là những mảnh tước tách ra trong quá trình ghè đẽo đá, chế tác công cụ đá tại chỗ của cư dân thời tiền sử. Điều này cho thấy cư dân thời đại Đá cũ Đắk Nông chế tác công cụ tại chỗ.

3. Đặc điểm hiện vật

Sưu tập hiện vật thời đại Đá cũ tại tỉnh Đắk Nông bao gồm nhóm hiện vật sưu tầm năm 2023 – 2024 trên bề mặt các địa lưu vực sông Krông Nô cổ và sưu tầm hiện vật trong hố khai quật di tích Thôn 7. Trong đó, bộ sưu tầm hiện vật Thôn 7 gắn với địa tầng di tích, số lượng phong phú và đa dạng về loại hình nên có tính đại diện cho thời đại Đá cũ tại tỉnh Đắk Nông. Về cơ bản, các bộ sưu tầm này có sự thống nhất về mặt chất liệu, loại hình, kỹ thuật chế tác, phản ánh đặc điểm hiện vật thời đại Đá cũ tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

** Về chất liệu:*

Các hiện vật chế tác chủ yếu bởi cuội đá quartz trong thành phần trầm tích cuội sạn sỏi trên các bậc thềm cổ. Hiện vật có kích thước > 5 cm, vừa tay cầm, cùng đặc điểm kích thước, chất liệu, màu sắc và độ mài tròn tương tự thành phần cuội trầm tích trong tầng văn hóa. Thành phần cuội quartz trong tầng văn hóa gồm hai nhóm: i) nhóm giữa các tinh thể thạch anh lẫn tạp chất nên mối liên kết giữa các tinh thể không lớn, giòn, vết vỡ theo dạng tinh thể, khó tạo thành rìa sắc; ii)

nhóm tinh thể thạch anh kết nối chặt chẽ, bề mặt vỡ phẳng, có thể định hình và tạo rìa sắc nên thường được cư dân tiền sử lựa chọn làm công cụ lao động. Điều này cho thấy các cư dân tiền sử có sự am hiểu nhất định với môi trường xung quanh, từ đó đưa ra những lựa chọn phù hợp nhất nhằm chế tác công cụ lao động.

*** Về loại hình:**

Các loại hình hiện vật khai quật và sưu tầm trên bề mặt các di tích thời đại Đá cũ KrN và CJ tương đồng nhau, gồm các nhóm hiện vật: Công cụ mũi nhọn, công cụ chặt thô, Uniface, công cụ mảnh tước, công cụ nạo/cắt, mảnh tước, phiến tước, hạch đá, chày/nghiễn. Riêng tại Thôn 7 (KrN1), thu thập được 110 hiện vật mang phong cách thời đại Đá cũ trong hai hố khai quật, gồm: 21 mũi nhọn (tỷ lệ 19,09%), 5 công cụ chặt thô (tỷ lệ 4,55%), 5 công cụ Uniface (tỷ lệ 4,55%), 5 công cụ mảnh tước (tỷ lệ 4,55%), 19 nạo (tỷ lệ 17,27%), 1 hòn ghè/đập (tỷ lệ 0,91%), 19 hạch đá (tỷ lệ 17,27%), 29 mảnh tước (tỷ lệ 26,36%), 1 phiến tước (tỷ lệ 0,91%), 5 chày (tỷ lệ 4,55%).

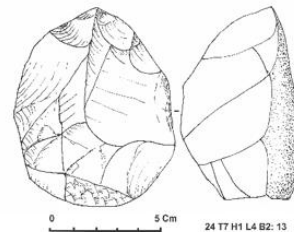
Đặc điểm từng loại hình hiện vật phát hiện trong các di tích Đá cũ lưu vực sông Krông Nô như sau:

- **Nhóm hiện vật Uniface** được tìm thấy trong tầng văn hóa di tích Thôn 7 và tại địa điểm KrN 7. Các hiện vật Uniface ghè toàn bộ một mặt lớn, dày giữa thân và mỏng về phía rìa. Một mặt lớn phẳng còn vỏ cuội với độ cong tự nhiên. Một phần rìa xung quanh được sử dụng với chức năng cắt hoặc nạo. Rìa một số Uniface có dấu vết tu chỉnh. Hiện vật Uniface tại Đắk Nông có kích thước nhỏ, gọn, gồm 2 nhóm tiểu loại hình: nhóm Uniface hình đĩa và nhóm hình dạng gần hình rìu tứ giác. Đây là những hình dáng hiếm thấy trong các địa điểm khác ngoài tỉnh Đắk Nông.

Hình dáng Uniface tại Thôn 7 và KrN 7 có nét tương đồng với công cụ hình đĩa và rìu tứ giác trong các di tích Sơ kỳ Đá mới. Tuy nhiên, công cụ thô, dày hơn, một phần rìa bên có các vết ghè vuông góc với mặt vỏ cuội tạo đốc cầm, phần còn lại ghè vát tạo rìa lưỡi cong bao quanh phần lớn chu vi rìa hiện vật (Hình 4).

- **Công cụ mũi nhọn** chế tạo bởi kỹ thuật ghè trực tiếp hai hoặc ba mặt tập trung ở một đầu viên cuội, tạo ra 1 đầu nhọn. Mũi nhọn được tìm thấy trong tầng văn hóa di tích Thôn 7, trên bề mặt và taluy các địa điểm KrN 2, KrN 3, KrN 4, CJ 2. Loại hình mũi nhọn gồm: mũi nhọn tam diện và các kiểu mũi nhọn kích thước nhỏ hình dáng đa dạng.

+ Kiểu loại hình mũi nhọn tam diện là loại hình mũi nhọn chủ yếu, có hình dáng và kỹ thuật tương tự mũi nhọn đặc trưng thuộc kỹ nghệ An Khê. Mũi nhọn có hai mặt phẳng tạo bởi các vết ghè thô, giao nhau tạo thành đường nổi cao giữa thân. Mặt đối giữ nguyên hoặc còn phần lớn lớp vỏ cuội tự nhiên với độ cong tự nhiên. Các vết ghè còn tạo thành 2 đường rìa mỏng kẹp giữa 1 mũi nhọn. Đối diện mũi nhọn là phần đốc, được tận dụng lớp vỏ cuội tự nhiên và ghè một phần để thuận tiện việc cầm nắm bằng tay. Hiện vật mũi nhọn tam diện có thể sử dụng cả rìa cạnh lẫn mũi nhọn cho chức năng chặt đập, cắt, đục (hình 5; hình 6-1).



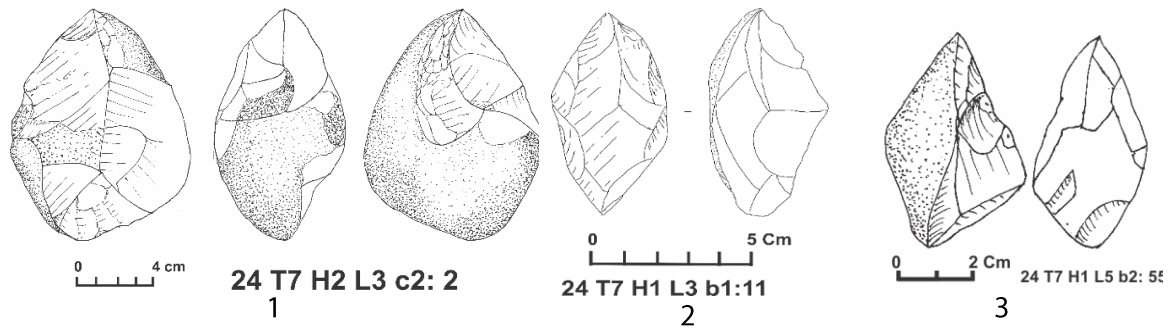
Hình 4: Công cụ Uniface di tích Thôn 7
(Nguồn: Nguyễn Khắc Sử vẽ, năm 2024)



Hình 5: Mũi nhọn tại địa điểm Cư Jút 2

(Nguồn: Vũ Tiến Đức, 2025)

+ Kiểu loại hình mũi nhọn kích thước nhỏ tận dụng từ các mảnh đá, mảnh tước với hình dáng đa dạng, mục tiêu chế tác mũi nhọn tại đầu hiện vật. Một mặt bên các mũi nhọn thuộc kiểu loại hình này còn mặt cuội phẳng. Đầu mũi nhọn được ghè cẩn thận hoặc tu chỉnh. Một số hiện vật có hình thoi với hai đầu nhọn. Chức năng công cụ thuộc kiểu loại hình này tương tự công cụ đục, khoan (hình 6-2, hình 6-3).

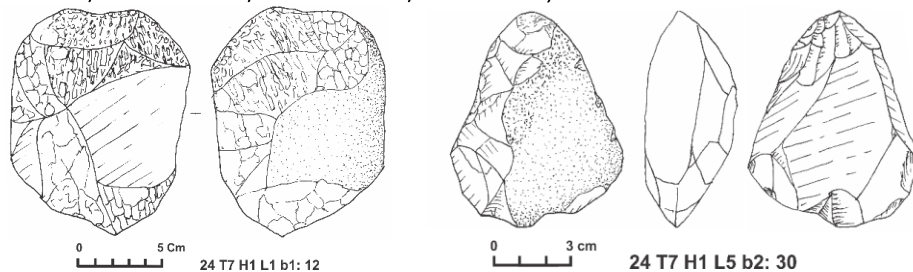


Hình 6: Công cụ mũi nhọn

(Nguồn: Nguyễn Khắc Sửu vẽ, năm 2024)

- Công cụ chặt thô tìm thấy tại Thôn 7, KrN 3, KrN 4, KrN 5, KrN 6, KrN 7 và CJ 1. Kiểu hình chopper hoặc chopping – tools truyền thống, được ghè tạo rìa bằng một vài vết ghè thô có kích thước lớn, ghè vát từ một mặt nhưng vẫn bảo tồn hầu như phần lớn bề mặt cuội tự nhiên. Bên cạnh các công cụ chặt thô truyền thống, còn phát hiện những công cụ chặt thô chế tác bằng cách ghè lan rộng thân và các mặt bên tạo thành những mặt phẳng mới cùng đường rìa lưỡi cong hình dzích dzắc. Đầu rìa lưỡi một số công cụ chặt thô còn có đỉnh nhọn, có thể sử dụng như mũi nhọn. Đốc công cụ chặt thô hợp bởi một phần bề mặt cuội có độ cong tự nhiên cùng mặt phẳng được tạo bởi các vết ghè thô (hình 7).

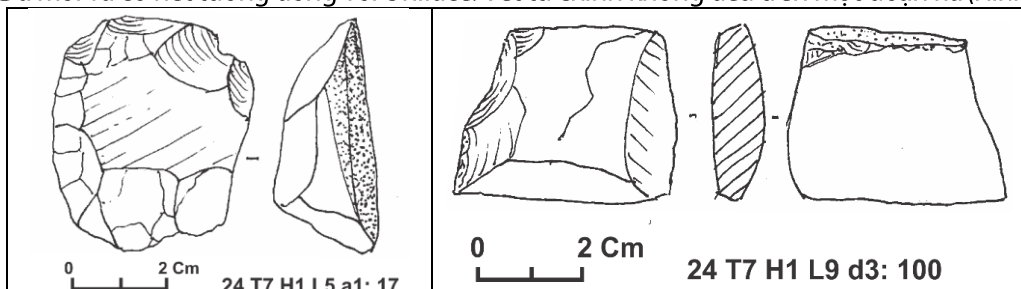
Trên bề mặt KrN 6, đã phát hiện một công cụ chopping – tools dạng rìu tay chất liệu đá quartz, có kích thước và khối lượng lớn so với các hiện vật bằng đá quartz khác được phát hiện trên địa bàn. Công cụ chopping – tools dạng rìu tay tại KrN 6 có nét tương đồng loại hình rìu tay An Khê và tương tự công cụ chặt thô dạng rìu tay phát hiện năm 2021 tại địa điểm Phú Thiện 17 (Nguyễn Khắc Sửu, Vũ Tiến Đức, La Thế Phúc, 2023: 3-14).



Hình 7. Công cụ chặt thô

(Nguồn: Nguyễn Khắc Sửu vẽ, năm 2024)

- Công cụ mảnh tước, được tách ra từ hạch đá, phát hiện tại Thôn 7, KrN 7 và CJ 1. Công cụ được tận dụng từ các mảnh tước ban đầu, hoặc mảnh tước thứ có kích thước trung bình (từ 5 – 7 cm). Một số công cụ mảnh tước chế tác từ mảnh tước ban đầu, có hình dáng gần giống công cụ hình đĩa giai đoạn Sơ kỳ Đá mới và có nét tương đồng với Uniface. Vết tu chỉnh không đều trên một đoạn rìa (Hình 8).



Hình 8: Công cụ mảnh tước

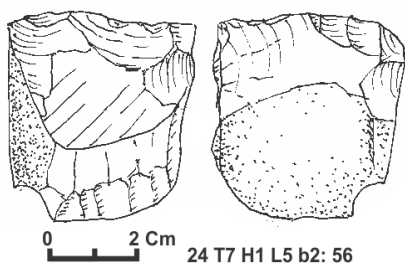
(Nguồn: Nguyễn Khắc Sửu vẽ, năm 2024)

- Công cụ nạo cắt được phát hiện trong tầng văn hóa các hố khai quật di tích Thôn 7. Công cụ được chế tác từ mảnh cuội vỡ, hoặc mảnh tước ban đầu, có chu vi gần tròn, hình bầu dục, hoặc hình tứ giác, lợi dụng một mặt cuội tự nhiên, mặt kia phẳng, lưỡi mỏng, đôi khi được tu chỉnh làm nên công cụ nạo, cắt xẻ thịt, cắt rau, củ (hình 9).

- *Hạch đá* phát hiện phổ biến trong các di tích như KrN 7, Thôn 7, KrN 2, KrN 3, CJ 1,... Hạch đá trong khu vực thuộc loại hình hạch đá đa diện với các mặt ghe phẳng, còn một phần vỏ cuội tại diện ghe. Từ diện ghe, các nhát ghe gần vuông góc, lực ghe lớn, ghe tách các vết ghe với kích thước trung bình hoặc lớn ghe về nhiều phía. Một số hạch đá tại KrN 7, Thôn 7, KrN 2, KrN 3, CJ 1 ... có hình lăng trụ.

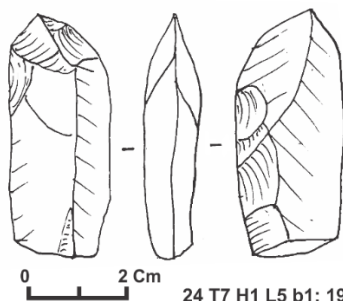
- *Mảnh tước*: tìm thấy phổ biến trên bề mặt các điểm khảo cổ thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô và chiếm tỷ lệ lớn trong hố khai quật Thôn 7 (29/110 hiện vật, chiếm tỷ lệ 26,36%). Mảnh tước chủ yếu có kích thước từ trung bình (>5cm), mỏng, thuộc loại hình mảnh tước thứ, một số mảnh còn diềm cuội. Hình dáng mảnh tước đa dạng. Diện ghe phẳng, còn hoặc không còn vỏ cuội. Điểm ghe và u ghe dễ nhận thấy trên bề mặt một số mảnh tước. Rìa mảnh tước mỏng.

Phiến tước gồm 1 hiện vật được phát hiện tại di tích Thôn 7, chất liệu đá quartz, kích thước trung bình, mỏng. Phiến tước tam diện, không còn vỏ cuội. Mặt bụng phẳng, mặt lưng hợp bởi hai mặt ghe phẳng. Diện ghe hình tam giác, không còn vỏ cuội. U ghe và tia ghe không rõ. Các rìa cạnh mảnh tước mỏng, thẳng. Đuôi mảnh tước mỏng, cong đều. Chiều dài phiến tước gấp gần 3 lần so với chiều rộng. Tiết diện bổ dọc gần hình nêm, mặt cắt ngang hình tam giác (*Hình 10*).



Hình 9: Công cụ nạo

(Nguồn: Nguyễn Khắc Sử vẽ, năm 2024)



Hình 10: Phiến tước

(Nguồn: Nguyễn Khắc Sử vẽ, năm 2024)

Ngoài ra, tại di tích Thôn 7 còn phát hiện trong tầng văn hóa 05 hiện vật chày cuội và 01 hòn ghe chất liệu đá quartz hoặc quartzite. Mặc dù không có dấu vết chế tác nhưng các hiện vật này phản ánh hoạt động sinh hoạt, kiếm sống của người tiền sử.

Các loại hình hiện vật trong di tích thời đại Đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô tạo thành một tổ hợp hiện vật thống nhất với các công cụ lao động thực hiện các chức năng chặt đập vật cứng, khoan/đục, cắt, nạo, rạch, hoặc nghiền, giã thức ăn, hoặc ghe chế tạo công cụ lao động. Bên cạnh các công cụ đa chức năng truyền thống như mũi nhọn tam diện, công cụ ghe thô dạng chopper, chopping – tools, Uniface..., một số công cụ có tính chuyên biệt đã được tìm thấy như mũi nhọn hai đầu, mũi nhọn chế tác từ mảnh tước....

Đáng chú ý, một số hiện vật thuộc loại hình công cụ mũi nhọn, Uniface, công cụ mảnh tước... với nhiều chức năng khác nhau nhưng có hình dáng gần giống công cụ hình bầu dục hoặc rìu đá thường thấy trong các di tích giai đoạn Sơ kỳ Đá mới. Tuy nhiên, chỉ một phần rìa hoặc một đầu thôn nhọn của công cụ có dấu tích sử dụng. Các vết ghe tạo rìa thường một lớp ghe. Hầu hết các hiện vật đều còn một phần hoặc một bề mặt còn vỏ cuội với độ cong tự nhiên của viên cuội.

*** Về kỹ thuật chế tạo:**

Các hiện vật đá tại các di tích Đá cũ tại tỉnh Đắk Nông chế tác bằng kỹ thuật ghe đẽo trực tiếp, đá ghe đá, ghe chủ yếu từ ngoài vào trong hòn cuội, hướng tâm, vết ghe to, thô đan xen, liên tiếp nhau một cách có hệ thống. Điểm ghe tận dụng bề mặt cuội tự nhiên hoặc một số ít từ các mặt phẳng ghe trước, góc ghe gần bằng 90°. Bên cạnh đó, kỹ thuật ghe tách mảnh từ các hạch đá lớn, đa diện đã khá phổ biến. Kỹ thuật ghe hai mặt thể hiện trong chế tác các hiện vật mũi nhọn tam diện, cùng một số công cụ ghe thô, đặc biệt là công cụ chặt thô dạng rìu tay tại địa điểm KrN 6. Tuy nhiên, kỹ thuật ghe hai mặt không phổ biến, ghe hai mặt nhưng vết ghe tập trung chủ yếu tại một mặt và mặt kia ghe nhằm tăng độ mỏng và sắc của rìa lưỡi hoặc mũi nhọn.

Kỹ thuật ghe tu chỉnh đã xuất hiện và thể hiện qua rìa một số công cụ mảnh dạng nạo, mũi nhọn chế tác từ mảnh tước. Tuy nhiên, đây không phải là kỹ thuật chế tác công cụ chính tại lưu vực sông Krông Nô, không phổ biến trên phần lớn các hiện vật.

Các hiện vật còn thể hiện truyền thống giữ lại một phần vỏ cuội với độ cong tự nhiên, vốn phổ biến trong cách thức chế tác công cụ của cư dân thời đại Đá cũ. Tuy nhiên, diện tích bề mặt không còn vỏ cuội đã lớn hơn bề mặt vỏ cuội tự nhiên. Một phần vỏ cuội được giữ lại nhằm hợp với các bề mặt ghè tạo thành đốc cầm. Đáng chú ý, tại phần đốc, có một số vết ghè lõm (thay vì ghè phẳng như các phần khác của bề mặt) nhằm thuận tiện việc đặt tay trong quá trình cầm, nắm, sử dụng hiện vật bằng tay.

Các hiện vật mũi nhọn tam diện có sự cân đối, các mặt ghè vát đều về phía rìa cạnh, tạo đường gồ nổi cao giữa thân, chạy dọc theo chiều dài hiện vật, từ mũi nhọn đến chính giữa đốc cầm. Phần đốc thường đối xứng mũi nhọn. Một số công cụ dạng Uniface, nạo có hình dáng gần hình tròn, nổi cao ở chính giữa thân và vát về phía các rìa. Công cụ Uniface hình riu tại Đắk Nông có hình dáng gần hình chữ nhật với các mặt ghè phẳng, vuông góc nhau, tạo tính cân đối và thẩm mỹ cao.

Bên cạnh yếu tố thẩm mỹ và cân đối, tính tiện dụng cũng được cư dân thời đại Đá cũ tại Đắk Nông thể hiện qua việc tận dụng một số mảnh tước, mảnh đá để chế tạo các rìa tác dụng, mũi nhọn mới. Tại các địa điểm, không thiếu nguồn nguyên liệu đá Quartz tại chỗ nên việc tận dụng mảnh tước không phải vì nguyên nhân tiết kiệm nguyên liệu mà xuất phát từ tâm lý tiện dụng cùng tư duy về kỹ thuật tu chỉnh công cụ đã phổ biến trong giai đoạn này.

Trong hố khai quật Thôn 7, tổ hợp hòn ghè/hòn đập, hạch đá, mảnh tước thống nhất về chất liệu với các công cụ tìm thấy trong cùng di tích. Lớp đào 24.T7.H1.L5 và 24.T7.H1.L7 xuất lộ cụm tập trung mảnh tước cùng hạch đá. Đây là minh chứng quá trình khai thác nguồn nguyên liệu, chế tạo và sử dụng công cụ tại chỗ của cư dân cổ.

4. Nhận định về niên đại

Cho đến nay, các địa điểm khảo cổ tại lưu vực sông Krông Nô cổ chưa tìm thấy di vật hữu cơ, nên chưa thu được mẫu vật để xác định niên đại tuyệt đối bằng phương pháp carbon phóng xạ C14 hoặc các phương pháp khoa học tự nhiên khác. Việc xác định niên đại tương đối nhóm các di tích này dựa trên cơ sở xác định đặc điểm địa chất khu vực di tích, đặc điểm về trình độ kỹ thuật chế tác công cụ và so sánh loại hình học.

** Qua tư liệu đặc điểm địa chất khu vực*

Các dấu tích khảo cổ đều nằm trong thành tạo aluvi cổ/thềm sông cổ, phủ trực tiếp trên bề mặt phong hóa của đá trầm tích cát-bột-sét kết hệ tầng La Ngà (tuổi 174-163 triệu năm BP). Tầng văn hóa hố khai quật Thôn 7 là lớp sạn sỏi laterit màu nâu vàng – nâu đỏ chứa cuội, đá tảng. Cuối trong tầng văn hóa có thành phần ít khoáng, chủ yếu là đá quartz, thứ yếu là cát bột kết, sét kết của hệ tầng La Ngà và hệ tầng Ea Sup (có tuổi Jura giữa 174 – 163 triệu năm BP) (Trần Tính, 1997). Độ chọn lọc của lớp trầm tích tầng văn hóa rất kém và chịu ảnh hưởng của quá trình laterit trong thế Pleistocen (Cánh tân) cách ngày nay khoảng hơn 750.000 năm BP. Vì vậy, có thể xác định tầng văn hóa thành tạo trên cơ sở vật liệu trầm tích hệ tầng La Ngà và hệ tầng Ea Súp. Thềm sông cổ chứa các thành tạo trầm tích này được hình thành vào sơ kỳ Cánh tân cách ngày nay trên 750.000 năm và được lộ ra trên bề mặt hiện tại.

Quan sát vách taluy tại di tích Thôn 7 và bề mặt các khoảnh diện tích khác trên cùng sườn đối các địa điểm khảo cổ đã phát hiện, ghi nhận lớp phủ trầm tích bờ rời tuổi Holocen (Holocen sớm – giữa tuổi 11.7000 – 4.200 năm BP và Holocen giữa – muộn tuổi từ 4.200 năm BP đến nay) (Trần Tính, 1997). Thành phần trầm tích này phân bố thành các dải hẹp dọc theo thung lũng sông suối của lưu vực sông Sêrêpôk và thượng nguồn sông Đồng Nai. Thành phần trầm tích là sông (a-aluvi), thường phân bố thành các gò bãi, không bị ngập nước.

Như vậy, căn cứ vào tư liệu địa chất, dấu tích khảo cổ thời đại Đá cũ tại tỉnh Đắk Nông nằm trong các thềm bậc sông cổ có tuổi Pleistocen được thành tạo sớm nhất cách ngày nay khoảng 750.000 năm và tuổi muộn nhất của dấu tích khảo cổ này cách ngày nay khoảng trước 11.700 năm.

** Qua tư liệu đặc điểm, kỹ thuật chế tác hiện vật khảo cổ*

Kết quả phân loại cho thấy chủ nhân các sưu tập hiện vật chế tác từ đá Quartz tại tỉnh Đắk Nông chủ yếu sử dụng kỹ thuật ghè đẽo trực tiếp, đá ghè đá, thực hiện trên nguyên liệu cuội đá có độ cứng cao, chưa biết đến kỹ thuật mài. Rìa lưỡi công cụ còn zích zắc, hình dáng còn thô sơ, chưa hình thành chức năng rõ rệt. Một số công cụ còn mang tính đa năng, chặt, cắt, đào đất...

Khâu chế tác công cụ chú trọng đến chế tạo rìa tác dụng hoặc mũi nhọn, giữ lại mức tối đa hoặc một phần bề mặt tự nhiên để tận dụng làm đốc cầm. Một số hiện vật có dấu vết ghè thô với 1 – 2 nhát ghè nhằm tạo các bề mặt mới, hợp cùng phần bề mặt cuội tự nhiên để thuận tiện việc cầm nắm hiện vật. Kỹ thuật chế tác công cụ này khác biệt hoàn toàn tư duy kỹ thuật chế tạo các bề mặt phẳng nhân tạo định hình phần đốc và toàn thân công cụ như công cụ lao động rìu, bôn, cuốc... trong thời đại Đá mới. Hình dáng và kích thước công cụ phù hợp việc cầm nắm trực tiếp bằng tay, không phù hợp với việc tra/tháp/buộc cán công cụ. Đây là những đặc trưng của thời đại Đá cũ, cách ngày nay từ vài triệu đến trước 1 vạn năm.

Đáng chú ý, các kỹ thuật ghè hai mặt, ghè tu chỉnh dù chưa phổ biến nhưng đã xuất hiện và được sử dụng nhằm chế tác công cụ. Một số hiện vật thuộc loại hình Uniface và công cụ nạo, cắt có hình dáng hình đĩa, gần hình tròn hoặc có hình dáng gần hình chữ nhật với các mặt ghè phẳng, vuông góc nhau, tạo tính cân đối và thẩm mỹ cao. Những công cụ định hình dạng hình đĩa và hình rìu gợi lại công cụ giai đoạn Sơ kỳ Đá mới, phổ biến trong giai đoạn 10.000 - 7.000 năm cách ngày nay. Bên cạnh đó, trong tổ hợp hiện vật Đá cũ Đắk Nông còn có sự xuất hiện của loại hình hạch đá đa dạng, hạch đá đa diện hình lăng trụ và phiến tước – những hiện vật đặc trưng của giai đoạn Hậu kỳ Đá cũ trên thế giới.

Như vậy, trên cơ sở phân tích đặc điểm tư liệu địa chất kết hợp đối chiếu kết quả so sánh đặc điểm, kỹ thuật chế tác đá của tổ hợp di vật chế tác từ cuội đá quartz tại các huyện Krông Nô và huyện Cư Jút, có thể đặt ra giả thuyết ban đầu niên đại các bộ sưu tập này thuộc giai đoạn Hậu kỳ Đá cũ, nằm ở khung thời gian chuyển tiếp từ Đá cũ sang Đá mới, cách ngày nay khoảng trên 11.000 năm BP.

** So sánh loại hình học với các di tích thời đại Đá cũ*

Với các di tích thời đại Đá cũ tỉnh Gia Lai: tại tỉnh Gia Lai, dọc theo lưu vực sông Ba cổ, các nhà khảo cổ đã phát hiện và nghiên cứu cụm di tích Sơ kỳ Đá cũ An Khê, cụm di tích Phú Thiện, cụm di tích Krông Pa và sưu tập hậu kỳ Đá cũ thượng du sông Ba thuộc thời đại Đá mới (Nguyễn Gia Đối và đoàn khai quật hợp tác Việt Nga 2020: 9 - 23; Derevianko and etc 2018: 3-21; Nguyễn Khắc Sử 2016: 390 – 391; Nguyễn Khắc Sử, Vũ Tiến Đức, La Thế Phúc 2023: 91 - 102; Vũ Tiến Đức 2023: 52 - 53).

So sánh loại hình học, có sự tương đồng về chất liệu, kỹ thuật chế tác và loại hình tổ hợp công cụ Đá cũ Đắk Nông với các bộ sưu tầm hiện vật Đá cũ tại tỉnh Gia Lai. Chất liệu công cụ chủ yếu là cuội sạn sỏi đá quartz trong tầng trầm tích đệ tứ, được khai thác và chế tác tại chỗ. Kích thước công cụ An Khê rất lớn, với những hiện vật mũi nhọn có chiều dài trên 20cm, trong khi phần lớn công cụ tại các địa điểm khác đều có chiều dài khoảng 10cm. Sự khác biệt kích thước công cụ các vùng được quy định bởi nguồn nguyên liệu tại chỗ và phần nào bởi thói quen của từng nhóm dân cư. Kỹ thuật chế tác công cụ tại các địa điểm Đá cũ tỉnh Đắk Nông và tỉnh Gia Lai đều là ghè trực tiếp, đá ghè đá, ghè vát từ rìa hướng vào trung tâm, vết ghè thô, chủ yếu là ghè một lớp. Loại hình công cụ mũi nhọn tam diện, công cụ chặt thô ghè hai mặt dạng rìu tay đặc trưng của kỹ nghệ An Khê đã được phát hiện trong các di tích Đá cũ tại Đắk Nông. Hạch đá ở Đắk Nông và thượng du sông Ba thuộc loại hình hạch đá đa diện, thường ghè tách ra nhiều mảnh tước gần giống nhau ở xung quanh một lõi. Loại hạch đá này lại khá phổ biến và đặc trưng cho các kỹ nghệ Hậu kỳ Đá cũ (Upper Palaeolithic) phương Tây.

Bên cạnh những nét tương đồng, nhóm hiện vật Đá cũ Đắk Nông có những nét riêng biệt so với nhóm các hiện vật Đá cũ Gia Lai. Tại Đắk Nông tìm thấy nhiều công cụ Uniface dạng gần hình đĩa và dạng hình rìu vốn không phổ biến hoặc chưa tìm thấy tại các di tích Đá cũ tỉnh Gia Lai. Phiến tước hình chữ nhật cũng đã phát hiện tại Đắk Nông nhưng không tìm thấy trong các di tích Đá cũ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Những tương đồng về chất liệu, kỹ thuật chế tác và loại hình công cụ cho thấy nhóm địa điểm Đá cũ Đắk Nông có thể chịu ảnh hưởng của kỹ nghệ Đá cũ An Khê. Các di tích Đá cũ Đắk Nông có sự gần gũi với nhóm hiện vật Hậu kỳ Đá cũ tại thượng du sông Ba hơn so với nhóm di tích An Khê, Phú Thiện và Krông Pa.

Với các di tích Đá cũ tại tỉnh Đắk Lắk: năm 2022, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên phối hợp cùng các chuyên gia địa chất phát hiện, công bố bộ sưu tầm gồm 19 hiện vật đã được phát hiện tại các di tích Ea Ô và di tích Cư Ni phân bố trên lưu vực sông Krông Pắc cổ, thuộc huyện Ea

Kar, tỉnh Đắk Lắk. Các hiện vật khảo cổ sưu tầm được chế tác từ cuội đá quartz. Trên cơ sở tư liệu địa chất và so sánh loại hình học, những người phát hiện bước đầu cho rằng các địa điểm khảo cổ Ea Kar thuộc thời đại Đá cũ, cùng thuộc hệ kỹ nghệ An Khê nhưng có nhiều đặc điểm muộn hơn so với các di tích khảo cổ Sơ kỳ Đá cũ An Khê, nhưng cổ hơn so với bộ sưu tập Hậu kỳ Đá cũ thượng du sông Ba và gần gũi so với nhóm hiện vật Phú Thiện. Nhóm di tích khảo cổ thời đại Ea Kar và Phú Thiện có thể là cầu nối giữa các di tích Sơ kỳ Đá cũ An Khê với bộ sưu tập Hậu kỳ Đá cũ thượng du sông Ba (Vũ Tiến Đức, La Thế Phúc, Lương Thị Tuất, 2023: 3 - 14).

Giữa nhóm hiện vật Đá cũ tại Đắk Nông và nhóm hiện vật Đá cũ vùng thung lũng sông Krông Pắc cổ có những nét tương đồng đáng chú ý: 1) chất liệu hiện vật chủ yếu là đá quartz, 2) kỹ thuật chế tác chính là kỹ thuật ghè thô, ghè trực tiếp tạo rìu hoặc mũi nhọn; 3) sự có mặt của các loại hình công cụ quen thuộc như mũi nhọn, công cụ mảnh, hạch đá đa diện. Tuy nhiên, tương tự nhóm hiện vật công cụ Đá cũ tại tỉnh Gia Lai, tại tỉnh Đắk Lắk không phát hiện các mảnh phôi tước hình học xác định và công cụ Uniface dạng gấn hình đĩa và gấn hình rìu như Đắk Nông. Các sưu tập Đá cũ tại Đắk Nông và sưu tầm Đá cũ tại Đắk Lắk có thể có mối liên hệ đồng đại, cùng hệ kỹ nghệ An Khê, tuy nhiên, đây là 2 nhóm cư dân độc lập, có những đặc điểm văn hóa riêng biệt.

Nhóm di tích Đá cũ trong hang động tại tỉnh Thanh Hóa, đại diện là Mái đá Điều và hang Con Moong. Kết quả khai quật nhiều lần cho thấy, lớp văn hóa Đá cũ tại hai di tích đều thuộc tầng trầm tích Pleistocene muộn, nằm dưới lớp kỹ nghệ công cụ cuội ghè sơ kỳ Đá mới. Kết quả khai quật 2010 – 2014 của đoàn khảo cổ Nga – Việt Nam tại độ sâu 3,6 – 10,4m, thu được được xương động vật, hiện vật đá làm từ mảnh đá quartz kích thước nhỏ, công cụ mảnh tước, công cụ cuội hình dáng không xác định trong khung niên đại 73.900 ± 9.900 năm trước Công nguyên đến 42.000 ± 2.600 năm trước công nguyên (Nguyễn Khắc Su 2013: 40-52; Nguyễn Khắc Sử 2013; McAdams C, Morley MW, Fu X, et al., 2019: 1-26).

Trong tình hình tư liệu hiện nay, có thể xác nhận kỹ nghệ công cụ đá quartz tại các hang động Thanh Hóa khác và cổ hơn các kỹ nghệ Đá cũ đã biết ở Việt Nam như Sơn Vi, Ngườm, khác và cổ hơn các kỹ nghệ mảnh tước ở Đông Nam Á và Nam Trung Quốc như Lang Rongrien (Thái Lan), Bạch Liên động (Trung Quốc) và Tabon (Philippines). Nói cách khác, trước kỹ nghệ cuội ghè hang Con Moong và Mái đá Điều là một kỹ nghệ đá cổ chất liệu đá quartz, có nét tương đồng nhất định đối với tổ hợp công cụ đá quartz tại các địa điểm Đá cũ Đắk Nông.

Các di tích Đá cũ tại lưu vực sông Cả tại tỉnh Nghệ An phát hiện trong các hang động đá vôi karst và tại các đồi gò thềm sông gần liền với địa hình trung du, dạng chuyển tiếp từ vùng núi xuống đồng bằng tại vùng trung lưu và hạ lưu sông Cả (Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn, 2021: 109 - 137) thuộc khung niên đại Hậu kỳ Đá cũ, với hai giai đoạn phát triển: giai đoạn sớm từ 70.000 – 40.000 năm BP và giai đoạn muộn 40.000 – 11.000 năm BP.

+ Giai đoạn 70.000 – 40.000 năm BP với đại diện là di tích hang Thẩm Ôm, nơi tìm thấy các hiện vật cuội ghè đeo bằng chất liệu đá Quartz, Chalcedony, Silic, Andezit, kích thước tương đối lớn, ghè thô sơ trên một đoạn rìa cạnh viên cuội lớn hoặc từ cuội vỡ với các vết ghè tạo rìa tác dụng trên một cạnh. Đáng chú ý, tại đợt khảo sát năm 2015, đã phát hiện hạch đá, công cụ mảnh, công cụ uniface hình bầu dục, công cụ uniface hình gấn đĩa dạng nạo, chất liệu đá quartz.

+ Giai đoạn 40.000 – 11.000 năm BP với đại diện là Làng Vạc và các di tích phụ cận. Trong các di tích này đã tìm thấy tổ hợp công cụ cuội ghè đeo chủ yếu làm từ đá Quartz nằm trong lớp laterit đặc trưng cho trầm tích Pleistocene muộn, gồm các loại hình: mũi nhọn, công cụ rìa ngang, công cụ rìa dọc, công cụ hai rìa lưỡi, công cụ rìa lưỡi xung quanh, phần tư viên cuội, công cụ hình đĩa, mảnh tước, đá có vết gia công.

Hiện vật các di tích Hậu kỳ Đá cũ Nghệ An, đặc biệt giai đoạn 70.000 – 40.000 năm BP có nhiều điểm tương đồng với hiện vật Đá cũ tỉnh Đắk Nông. Cả hai nhóm cư dân đều ghè thô chế tác công cụ từ nguồn nguyên liệu đá quartz. Tổ hợp công cụ đá Thẩm Ôm với các hiện vật công cụ mảnh, công cụ uniface hình bầu dục, công cụ uniface hình gấn đĩa dạng nạo tương tự hiện vật cùng loại hình tại Đắk Nông. Có thể nói, bộ sưu tầm Đá cũ Nghệ An giai đoạn 70.000- 11.000 năm BP là bộ sưu tầm hiện vật Đá cũ ngoài vùng Tây Nguyên có nhiều nét tương đồng với Đá cũ Đắk Nông nhất.

Như vậy, cùng với các di tích Đá cũ tại Tây Nguyên, các tổ hợp hiện vật quartz trong lớp trầm tích hậu Pleistocene niên đại từ 70.000 – 11.000 năm BP tại Thanh Hóa và Nghệ An có nhiều nét tương đồng về chất liệu, kỹ thuật chế tác và loại hình hiện vật Đá cũ tại Đắk Nông. Sự tương đồng này có thể do hằng số văn hóa chung của các nhóm cư dân đồng đại trong truyền thống kỹ nghệ cuội ghè tại vùng lục địa Đông Nam Á, cũng có thể từ chung một nguồn gốc trực tiếp mà chúng ta chưa phát hiện được dấu tích. Tuy nhiên, Đá cũ Đắk Nông phát triển theo xu hướng kỹ nghệ An Khê với các hiện vật tiêu biểu như mũi nhọn tam diện thay vì phát triển theo xu hướng văn hóa Sơn Vi với các công cụ định hình như phần tư viên cuội... như Làng Vạc, Con Moong.

Qua tư liệu đặc điểm địa chất khu vực, kết hợp tư liệu đặc điểm, kỹ thuật chế tác hiện vật và So sánh loại hình học với các di tích thời đại Đá cũ trong và ngoài vùng Tây Nguyên, có thể nhận thấy sưu tập Đá cũ Đắk Nông có khả năng thuộc giai đoạn Hậu kỳ Đá cũ, niên đại từ 70.000 – 11.000 năm BP. Sưu tập Đá cũ Đắk Nông với các sưu tập Đá cũ Gia Lai và sưu tập Đá cũ Đắk Lắk có những nét tương đồng, mặt thiết minh chứng Đá cũ tỉnh Đắk Nông có thể là một dạng phát triển của hệ kỹ nghệ An Khê giai đoạn Hậu kỳ Đá mới. Tuy nhiên, Đá cũ Đắk Nông có những đặc điểm riêng, phản ánh đây là cộng đồng cư dân riêng biệt, không phải là sự mở rộng quá trình di dân của các nhóm cư dân Đá cũ Gia Lai và cư dân Đá cũ Đắk Lắk. Bên cạnh đó, giữa Đá cũ Đắk Nông và một số sưu tập Đá cũ khác như Thanh Hóa, Nghệ An... có mối liên hệ đồng đại – các nhóm cư dân khác nhau tồn tại trong cùng giai đoạn lịch sử.

5. Kết luận

Những phát hiện khảo cổ giai đoạn 2022 – 2024, đặc biệt tài liệu khai quả khảo cổ di tích Thôn 7, bước đầu xác nhận về sự tồn tại nhóm di tích đặc trưng tổ hợp công cụ ghè thô chất liệu cuội đá quartz, loại hình và kỹ thuật chế tác hiện vật mang phong cách thời đại Đá cũ, phân bố trên các thềm cổ lưu vực sông Krông Nô thuộc tỉnh Đắk Nông. Tổ hợp hiện vật Đá cũ lưu vực sông Krông Nô có nét tương đồng nhất định với kỹ nghệ An Khê nhưng có những đặc trưng mang tính độc lập so với nhóm di tích Đá cũ An Khê và có sự tương đồng với nhóm di tích Hậu kỳ Đá cũ tại Thanh Hóa, Nghệ An, niên đại khoảng 70.000 – 11.000 năm BP. Mặc dù mới là nghiên cứu ban đầu, cần củng cố thêm bằng những kết quả phân tích bằng các phương pháp khoa học tự nhiên, nhưng những phát hiện khảo cổ giai đoạn 2022 – 2024 đã mở ra hướng nghiên cứu mới về di sản văn hóa tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông: di sản khảo cổ học thời đại Đá cũ.

Ghi chú: Bài viết là sản phẩm đề tài “Giá trị di sản các di tích khảo cổ học tiền sử tỉnh Đắk Nông” do ThS.NCVC. Vũ Tiến Đức chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên là tổ chức chủ trì.

Tài liệu tham khảo

McAdams, C., Morley, M. W., Fu, X., Kandyba, A. V., Derevianko, A. P., Nguyen, D. T., ... & Roberts, R. G. (2020). The Pleistocene geoarchaeology and geochronology of Con Moong Cave, North Vietnam: Site formation processes and hominin activity in the humid tropics. *Geoarchaeology*, 35(1), 72-97.

Derevianko, A. P., Kandyba, A. V., Nguyen, K. S., Gladyshev, S. A., Nguyen, G. D., Lebedev, V. A., ... & Tsybankov, A. A. (2018). The discovery of a bifacial industry in Vietnam. *Archaeology, Ethnology & Anthropology of Eurasia*, 46(3), 3-21.

Nguyễn Gia Đối và Đoàn khai quật hợp tác Việt Nga (2020). Tổng quan quá trình khai quật, nghiên cứu phức hợp di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê, tỉnh Gia Lai 2015 – 2019”. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3/2020 (225), tr. 9-23.

Vũ Tiến Đức (2023). *Khảo sát các di tích khảo cổ học tiền sử huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai*. Tài liệu lưu Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên.

Vũ Tiến Đức (2024). *Báo cáo kết quả khai quật di chỉ Thôn 7, xã Đắk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông năm 2024*. Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Chi nhánh Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk.

Vũ Tiến Đức, La Thế Phúc, Lương Thị Tuất (2023). Một số phát hiện di tích Đá cũ tại thung lũng sông Krông Pắc, huyện Ea Kar (Đắk Lắk). Tạp chí *Khảo cổ học*, số 2/2023 (242), tr. 3-14.

La Thế Phúc và cộng sự (2022). *Báo cáo sơ bộ phát hiện mới di tích thời đại Đá cũ ở Krông Nô, Đắk Nông*. Báo cáo nộp UBND tỉnh Đắk Nông và Lưu trữ tại Hội Khảo cổ học Việt Nam, Hà Nội.

La Thế Phúc, Lương Thị Tuất, Nguyễn Thanh Tùng (2022). Phát hiện một số địa điểm khảo cổ tiền sử ở xã Đắk DRô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2022*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 49-55.

Nguyen Khac Su (2013). Con Moong Cave – data from exploration and new perception. In *Vietnam Archaeology*, No 4, pp.40-52

Nguyễn Khắc Sử (2013). *Khảo cổ học thời đại Đá cũ Bắc Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Khắc Sử (Chủ biên) (2016). *Khảo cổ học tiền sử Miền trung Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Khắc Sử - Phan Thanh Toàn (2021). *Khảo cổ học tiền sử Nghệ An*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Nguyễn Khắc Sử, Vũ Tiến Đức, La Thế Phúc (2023). Các di tích Đá cũ ở thung lũng Phú Thiện, Gia Lai (tư liệu và nhận thức). Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 3 (183), Hà Nội.

Hà Văn Tấn, Nguyễn Khắc Sử, Trình Năng Chung (1999). *Văn hóa Sơn Vi*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Trần Tính (1997). *Địa chất và khoáng sản tờ Bản Đôn*, tỷ lệ 1/200.000. Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Hà Nội.